

CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI Ở CHÂU ÂU VÀ MỘT VÀI PHÊ PHÁN ĐỐI VỚI LÝ THUYẾT QUAN HỆ QUỐC TẾ

Nghiêm Tuấn Hùng

Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Chủ nghĩa hậu hiện đại (CNHHĐ) được coi là một bước chuyển mới trong nghiên cứu khoa học xã hội. Mặc dù cách tiếp cận này bắt nguồn từ các ngành nghệ thuật mang tính sáng tạo như văn học, hội họa, kiến trúc, v.v., nhưng với những đóng góp của các triết gia người Pháp như Michel Foucault, Jean-Francois Lyotard và Jacques Derrida, trong nửa cuối thế kỷ XX, CNHHĐ được áp dụng rất nhiều trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, đặc biệt là trong triết học và lý luận văn học. Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế (QHQT), dù mới nổi trong khoảng hai thập niên trở lại đây nhưng CNHHĐ cũng được áp dụng khá rộng rãi và đánh giá là một lý thuyết mang tính phê phán, đặc biệt phê phán các đại luận thuyết¹ của thời hiện đại và các lý thuyết

QHQT truyền thống. Nhưng, trước khi các học giả hậu hiện đại sau này (phần lớn cũng là người châu Âu) đưa những phê phán dành cho lý thuyết QHQT nói chung, các học giả châu Âu, đặc biệt là người Pháp nói trên đã đưa ra nền tảng cơ sở lý luận cho CNHHĐ và những phê phán của nó.

Chủ nghĩa hậu hiện đại là gì?

CNHHĐ đang nổi lên như một lý thuyết trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn khoảng ba thập kỷ trở lại đây, chủ yếu là trong triết học, ngôn ngữ và văn học. CNHHĐ được coi là sự đối lập của những lý thuyết triết học truyền thống. Dưới quan điểm này, CNHHĐ là một trào lưu triết học mang tính phê phán đối với những cấu trúc và giả định cơ bản của triết học chính thống. Chính vì thế, CNHHĐ có thể được mô tả như một hình thức thế giới quan (hay thậm chí là phản thế giới quan) mới. Các học giả có thể giới quan này thường hoài nghi về khả năng lý giải các hiện tượng xảy ra bằng cách

¹ Trong nguyên bản tiếng Pháp, J.F. Lyotard thường dùng cụm từ “*grands récits*” hoặc “*metarécits*”, sau đó được dịch sang tiếng Anh là “*grand narratives*” hoặc “*metanarratives*”. Từ này thường được dùng trong triết học như là những tư tưởng thống trị xã hội, những học thuyết chính trị, khoa học chính thống (được thừa nhận và được hợp thức hóa bởi toàn xã hội). Những hệ thống này như những khung bao trùm và chi phối mọi hoạt động tinh thần của một hay nhiều thời đại khác nhau. Trong lý luận văn học, “*metarécits*” thường được dịch là “đại tự sự”. Tuy

nhiên, để phù hợp với tính chất của ngành QHQT, bài viết này sẽ sử dụng thuật ngữ “*đại luận thuyết*” hoặc “*đại lý thuyết*”.

áp dụng các mô hình lý thuyết thông thường. Cũng có thể nói, CNHHĐ phủ nhận chân lý khách quan đối với những giá trị và luận điểm của triết học thời kỳ hiện đại, ví dụ như nhân loại phải có một hạt nhân hoặc cơ sở hay đặc tính nào đó để phân biệt giữa con người với động vật hay luận điểm cho rằng một dạng chính phủ này được chứng minh là tốt hơn so với dạng khác.

Có một câu hỏi được đặt ra, đó là sự tồn tại của *Chủ nghĩa hậu hiện đại* (Postmodernism) hay *Chủ nghĩa hậu cấu trúc* (Poststructuralism)? Đây là câu hỏi mà đôi khi đã gây ra sự tranh luận không chỉ giữa những người ủng hộ và chỉ trích lý thuyết này mà còn xuất hiện ngay giữa những học giả được coi là “hậu hiện đại”. Thông thường, thuật ngữ hậu hiện đại và hậu cấu trúc được sử dụng mà không có sự phân biệt rõ ràng và có thể thay thế cho nhau. Tất nhiên, cũng có sự phân biệt nhất định. CNHHĐ tập trung vào phê phán bản chất và hệ quả của thời kỳ hiện đại cũng như phát triển những phê phán dành cho những gì được coi là hiện đại. Còn chủ nghĩa hậu cấu trúc quan tâm nhiều hơn đến vai trò, chức năng và bản chất của ngôn ngữ với phương pháp luận hậu cấu trúc cùng câu hỏi làm thế nào các ý nghĩa xã hội được kiến tạo thông qua ngôn ngữ. Trong tất cả các học giả áp dụng các phương pháp hậu cấu trúc ở châu Âu, triết gia J.F. Lyotard công khai và đi tiên phong trong việc bàn luận về CNHHĐ, hơn nữa ông đã góp phần lý thuyết hoá khái niệm

hậu hiện đại và chính từ những tác phẩm của ông, sự phân biệt giữa CNHHĐ và chủ nghĩa hậu cấu trúc gần như bị xóa bỏ.

Có nhiều nhà lý thuyết hậu hiện đại không bao giờ sử dụng thuật ngữ này mà thích dùng thuật ngữ “chủ nghĩa hậu cấu trúc” hơn, thậm chí có người dùng thuật ngữ “giải cấu trúc” (*Deconstruction*)². Ví dụ, David Campbell lại cho rằng trong nghiên cứu QHQT không tồn tại CNHHĐ mà chỉ có chủ nghĩa hậu cấu trúc. Theo học giả này, CNHHĐ là một phong trào nổi lên từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, diễn giải và mô tả những sự vật, hiện tượng văn hóa nổi lên trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh trong những lĩnh vực như văn học, nghệ thuật, kiến trúc và âm nhạc. Đồng thời, Campbell cho rằng trong khi thời kỳ hậu hiện đại gắn với những dạng thức, sự vật, sự việc của các ngành văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội của thời kỳ hiện đại và xuất phát từ những thay đổi trong mối quan hệ không gian-thời gian thì chủ nghĩa hậu cấu trúc là một cách tiếp cận mang tính diễn giải, phân tích kết quả và hàm ý của những sự chuyển đổi đó.

Tuy nhiên, có lẽ việc phân biệt hậu hiện đại hay hậu thực chứng là không cần thiết. Lý do một phần bởi chính các học giả hậu hiện đại cùng hậu cấu trúc nói chung và các học giả nghiên cứu lý thuyết QHQT cũng

² Nhiều người nhầm lẫn giữa *giải cấu trúc* (deconstruction) với *phá hủy* (destruction). Có thể coi giải cấu trúc là một phương pháp luận quan trọng của chủ nghĩa hậu hiện đại.

không mấy khi chú ý việc phân biệt rạch ròi hai khái niệm này, một phần bởi sự liên quan chặt chẽ và sự tiếp thu giữa chúng. Vì thế, chúng tôi sẽ thống nhất sử dụng thuật ngữ *Chủ nghĩa hậu hiện đại*.

Tư tưởng hậu hiện đại châu Âu

Xét về tuổi đời, CNHHĐ còn khá non trẻ nên những học giả tiếng tăm của lý thuyết này không có quá nhiều; thậm chí, nhiều người chưa bao giờ tự nhận mình là học giả đi theo trường phái hậu hiện đại. Bên cạnh đó, sự khó hiểu của CNHHĐ khiến nhiều người ngại theo đuổi nó. Tuy nhiên, các học giả hậu hiện đại cổ điển – chủ yếu là những người Pháp đã nghiên cứu, phát triển và các công trình của họ đã đặt nền móng cho CNHHĐ.

Thứ nhất, CNHHĐ phê phán những gì được coi là chân lý hay sự thật hiển nhiên, cho rằng việc bỏ qua các yếu tố nhỏ, những cái bị ẩn giấu trong tiến trình phát triển của xã hội nói chung là không thỏa đáng. Các học giả hậu hiện đại phản đối quan điểm cho rằng những cái ở bên ngoài tồn tại độc lập với ý thức của con người cũng như ngôn ngữ mà chúng ta sử dụng để diễn giải tư duy đó. Chính vì thế, CNHHĐ cho rằng cần phải loại bỏ sự phân biệt giữa lý thuyết và thực tiễn như truyền thống. CNHHĐ cho rằng tất cả những gì được coi là chân lý đều dựa trên các đại luận thuyết hay những thế giới quan mà theo đó những giá trị hay chân lý được thừa nhận hoặc bị bác bỏ. CNHHĐ “tìm

kiếm và thách thức mối liên hệ giữa quyền lực và tri thức, phản đối một đại luận thuyết cùng những sáng tạo của kỷ nguyên khai sáng cũng như coi sự thật/chân lý như một cấu trúc xã hội tạm thời bị giới hạn bởi không gian và thời gian”.³ Phê phán hậu hiện đại với những mô hình lý thuyết truyền thống càng được củng cố khi những quan điểm truyền thống cho rằng CNHHĐ là sự hoài nghi đối với những đại luận thuyết. Đặc biệt, chúng ta phải chú ý đến những đại luận thuyết trong thời kỳ hiện đại, những lý thuyết lớn liên quan đến bản chất của mọi sự vật sự việc, tri thức và tiến trình lịch sử đã tạo ra những dòng chảy đa dạng trong thời kỳ hiện đại, đáng chú ý là Chủ nghĩa Hiện thực (CNHT), Chủ nghĩa Tự do (CNTD), những lý thuyết và cách tiếp cận khác. Nếu như thời hiện đại được hiểu là thời kỳ hợp thức hoá các đại luận thuyết thì thời kỳ hậu hiện đại sẽ làm phá sản của các đại luận thuyết.

Đối với F. Lyotard, các tác phẩm của ông tập trung vào vai trò của các *tiểu tự sự* hay *tiểu lý thuyết* (narrative) trong nền văn hóa của con người và đặc biệt làm thế nào vai trò đó bị thay đổi khi chúng ta bỏ thời hiện đại để chuyển sang thời kỳ hậu hiện đại. Ông cho rằng triết học hiện đại đã hợp thức hóa những chân lý – tức là những đòi hỏi

³ Amitav Acharya & Barry Buzan (eds) (2010): *Non-Western International Relations Theory, Perspectives on and beyond Asia*, Routledge, Abingdon, UK, pp. 9-10.

không dựa trên các cơ sở logic và thực tiễn mà chủ yếu dựa trên những *đại luận thuyết* (metanarrative) về tri thức và thế giới – với những câu chuyện này với khái niệm trò chơi ngôn ngữ của Wittgenstein. Ông cho rằng trong thời kỳ hậu hiện đại, những đại luận thuyết này không thể hợp thức hóa những đòi hỏi về chân lý; Đồng thời, với sự sụp đổ của những đại luận thuyết này, con người sẽ phát triển một trò chơi ngôn ngữ mới, trò chơi này không đòi hỏi một chân lý tuyệt đối mà đánh dấu sự ra đời của một thế giới với những mối quan hệ luôn biến đổi (giữa con người với con người và con người với thế giới).

Thứ hai, các học giả hậu hiện đại nghi ngờ các quan niệm truyền thống về tiến trình phát triển của lịch sử khi cho rằng lịch sử không phát triển theo đường thẳng. Các học giả hậu hiện đại cho rằng thế giới này không có tác giả, Chúa trời không tạo ra thế giới trong 6 ngày bởi đó chỉ là một câu chuyện ngắn trong Kinh thánh⁴; cách diễn giải này về thế giới chỉ đến với chúng ta qua những trang viết của các triết gia hoặc sử gia. Chúng ta chỉ có thể đọc và diễn giải thế giới hoặc đọc và diễn giải những mô tả khác. CNHHĐ cho rằng những đại luận thuyết trên đã cố ý hợp thức hóa tri thức hay các hệ thống chính trị nhưng bản thân chúng lại không được hợp thức hóa bởi những lý

thuyết khác. Hơn nữa, các đại luận thuyết tồn tại độc lập như các lý luận riêng rẽ và luôn tranh luận, mâu thuẫn với nhau. Khi chúng tranh luận, không có ai đứng ra làm trọng tài phân biệt đúng sai. CNHHĐ cũng phản đối quan điểm cho rằng chỉ có một thế giới đơn nhất mà chúng ta đang mô tả. Khi chúng ta đã chia sẻ những ý nghĩa với nhau, những ý nghĩa này nên được hiểu là sự tương tác về mặt ý nghĩa hơn là khám phá ra một chân lý về các quá trình, hiện tượng ở thế giới bên ngoài. Có nhiều những câu chuyện khác nhau, có nhiều cuốn sách khác nhau cũng như những cách mô tả, diễn giải riêng biệt. Do đó, ý nghĩa xuất phát từ sự tương tác giữa độc giả và cuốn sách hay văn bản. Tương tự như vậy, thế giới cũng được tạo ra từ sự tương tác giữa con người với những hoạt động bên ngoài. Từ đó, có thể nói ý nghĩa hay sự diễn giải và mô tả hoặc *giải trình ngôn ngữ*⁵ (discourse) đã kiến tạo nên thế giới và xã hội.

⁴ Jill Steans & Lloyd Pettiford (2005): *Introduction to International Relations: Perspectives and Themes* (2nd edition), Pearson, UK, pp. 140.

⁵ Từ dùng trong tiếng Pháp là “*le discours*”, dịch sang tiếng Anh là “*discourse*”. Theo cách chuyển nghĩa và hiểu thông thường, “*discourse*” hay “*le discours*” đơn giản chỉ là *luận* hoặc *lập luận* hay *câu chuyện về ai hoặc cái gì*. Theo nghĩa rộng nhất, “*discourse*” gắn với ngôn ngữ, từ ngữ và văn bản. Nhưng trong điều kiện hậu hiện đại, “*discourse*” là *diễn ngôn* hoặc *giải trình ngôn ngữ*. *Giải trình ngôn ngữ* bao gồm cả những hoạt động thực tiễn mà kiến tạo nên những chủ thể hay các đề tài mà nó mô tả, mang lại ý nghĩa cho những sự vật hay chủ thể đó. Về giải trình ngôn ngữ của chủ nghĩa hậu hiện đại, có hai tên tuổi lớn luôn được nhắc đến là Foucault và Bakhtin. Hai học giả cũng quan niệm rằng, giải trình ngôn ngữ là một quá trình hành động để tạo nghĩa về một hiện tượng, một vật thể hay rộng hơn về thế giới.

Theo đó, J.F.Lyotard cho rằng, hậu hiện đại là thời kỳ của sự phân mảnh và đa nguyên, ông viết: “Trong xã hội và văn hoá hiện nay, tức trong xã hội hậu công nghiệp và văn hoá hậu hiện đại, vấn đề hợp thức hoá của tri thức được đặt ra một cách khác. Đại tự sự mất đi tính đáng tin của nó, bất kể nó được xếp vào phương cách nhất thể hoá nào: tự sự tư biện hoặc tự sự giải phóng”.⁶ CNHHĐ cho rằng những đại luận thuyết vốn được cho là mang tính giải phóng thực tế là mang tính áp đặt. Đặc biệt, những giá trị tự do thực tế lại sinh ra những dạng “lồng cũi” mới, ví dụ CNTD đã giải phóng chúng ta khỏi chế độ phong kiến nhưng chỉ dẫn chúng ta đến chủ nghĩa tư bản. Khoa học hiện đại đã bỏ qua và gạt ra ngoài lề những dạng tri thức tiền hiện đại. Nội hàm khái niệm đại luận thuyết đã loại bỏ quan niệm về “cái khác” bởi “cái khác” không phù hợp với dạng thức ấy. Những cái bị loại trừ có thể bị “đàn áp”. Do đó, sự thật hay chân lý thực tế chỉ là chiếc mặt nạ của quyền lực. Michel Foucault cho rằng bản chất của lịch sử, trong đó ông cho rằng, các sử gia tái tạo lịch sử là một công việc hão huyền, nếu không muốn nói là sự đánh lừa công chúng một cách ấu trĩ vì giải trình ngôn ngữ lịch sử là một giải trình ngôn ngữ hiện tại, phục vụ cho hiện tại, tạo ra một ý nghĩa nào đó cho con người hôm nay, có một hiểu biết nào đó, về những

dấu tích khảo cổ để lại từ những sinh hoạt mà nhân loại thu lượm được từ quá khứ.

Thứ ba, các học giả hậu hiện đại đã áp dụng hai phương pháp luận là giải cấu trúc, giải trình ngôn ngữ và truy nguyên trong các tác phẩm của mình để tìm kiếm những yếu tố bị ẩn giấu, để nhận thức rõ quá trình kiến tạo sự vật, sự việc hay chủ thể, đồng thời tìm ra những yếu tố bị lịch sử lãng quên.

Học giả Jacques Derrida là người khởi xướng phương pháp “*giải cấu trúc/giải kiến tạo*” (Deconstruction), một phân nhánh của hậu hiện đại hoặc cũng được coi là một lý thuyết cố gắng làm cho cái bị ẩn giấu trong văn bản (theo nghĩa hẹp) và trong cuộc sống nói chung (theo nghĩa rộng) nổi lên. Theo Derrida, các cấu trúc luôn luôn giả định một trung tâm của ý nghĩa. Trung tâm này trị vì cấu trúc nhưng bản thân nó không là đối tượng cho bất kỳ một sự phân tích cấu trúc nào. Chính vì thế, khi đọc mỗi văn bản hay tìm hiểu một sự vật, sự việc, chúng ta phải đi tìm cái trung tâm, cốt lõi của nó. Văn bản sẽ chỉ là văn bản đơn thuần nếu người đọc không thấy được quy luật bố cục và quy tắc kết cấu của nó. Đó là đặc điểm của “*giải cấu trúc*”. Giải cấu trúc là làm sáng tỏ cái gì đó hàm ẩn, bị che giấu ở bên trong văn bản hay các sự việc, tìm kiếm những cái không thể được nhận ra trong lần đọc hoặc lần nghiên cứu đầu tiên để xem xét lại các tiền giả định và mở ra những hướng đi mới.

⁶ Jean François Lyotard (2007): *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Nxb Tri thức, Hà Nội, tr.151 - 152.

Từ lý luận về *giải trình ngôn ngữ* lịch sử, Foucault đã đi sâu hơn về khái niệm *giải trình ngôn ngữ*, để giải thích rằng phương pháp này không phải chỉ đặc trưng cho chức năng ngôn ngữ, mà tất cả những gì con người có thể làm để kiến tạo ý nghĩa về thế giới. Foucault đã chứng minh rằng, những hiện thực khách quan, những đối tượng nghiên cứu khoa học của chủ nghĩa hiện đại, như những ý niệm về bản ngã, quốc gia, ngôn ngữ, trí tuệ, giới tính, tội phạm, những định chuẩn tự nhiên, v.v, thực chất là những cấu trúc đặc thù của lịch sử, hay sản phẩm của lịch sử, không thuộc về đối tượng của *giải trình ngôn ngữ* nhân loại. Ông chú ý đến cái gọi là khoa học hiện tượng để tìm ý nghĩa thông qua *giải trình ngôn ngữ*, từ đó nghiên cứu những phương pháp lý thuyết của quá trình tạo nghĩa bởi sự tương tác giữa con người và *giải trình ngôn ngữ* đối với sự vật. Với *giải trình ngôn ngữ* của Foucault hay *trò chơi ngôn ngữ* (language game) (J. F. Lyotard khai triển thêm), CNHHĐ đã bước hẳn sang một ngã rẽ khác trong quá trình quan sát và tạo nghĩa, một quá trình hoàn toàn loại trừ khái niệm cái biểu đạt và cái được biểu đạt của chủ nghĩa hiện đại để tập trung xây dựng một cách diễn đạt ý nghĩa mới về thế giới và vũ trụ.

Bên cạnh đó, bởi nghi ngờ các đại luận thuyết và cách hiểu chung về tiến trình phát triển của lịch sử nên các học giả hậu hiện đại sử dụng phương pháp *truy nguyên* (genealogy) để tìm những yếu tố khác biệt và

những cái bị lãng quên. Như Foucault đã chỉ ra trong tác phẩm “*Nietzsche, Genealogy, History*”, tư tưởng của ông về truy nguyên bị ảnh hưởng mạnh bởi các công trình nghiên cứu mà Nietzsche đã thực hiện về đề tài sự phát triển của đạo đức thông qua quyền lực. Foucault cũng mô tả truy nguyên như một phương pháp điều tra đặc biệt với những nhân tố mà “chúng ta có xu hướng cảm thấy không có sự hiện diện của lịch sử”.⁷ Những nhân tố này rất đa dạng trong cuộc sống hàng ngày. Truy nguyên không hẳn là tìm kiếm nguồn gốc và cũng không phải là cấu trúc của sự phát triển theo đường thẳng mà là phương pháp để chỉ ra sự đa dạng, đôi khi là đối lập mà diễn tả những dấu vết của tác động mà quyền lực đã đặt vào sự thật/chân lý. Với tư cách là một phương pháp luận quan trọng, truy nguyên gỡ cấu trúc của những gì được coi là sự thật/chân lý, cho rằng sự thật được phơi bày một cách ngẫu nhiên, được chống đỡ bởi sự thực thi quyền lực hay tính toán lợi ích. Do đó, tất cả sự thật hay chân lý đều đáng nghi ngờ. Chỉ ra tính không đáng tin của sự thật/chân lý, lý thuyết của Foucault phủ nhận hoàn toàn tính đồng nhất và quy luật của lịch sử, nhấn mạnh tính chất biến đổi và phi quy luật của sự thật/chân lý cũng như phản đối quan điểm cho rằng lịch sử phát triển theo đường thẳng.

⁷ Michel Foucault (1980). *Language, Counter-Memory, Practice: Selected Essays and Interviews*. Ithaca, NY: Cornell University Press. p. 139.

Những phê phán chung đối với lý thuyết QHQT

Trong những năm 1960 và 1970, trong khi những ngành khoa học xã hội khác đã chấp nhận những thách thức và nghiên cứu về CNHHĐ thì ngành nghiên cứu QHQT vẫn tụt lại phía sau. Chỉ trong khoảng 20-30 năm trở lại đây, nhiều học giả QHQT đã sử dụng những cách tiếp cận được mô tả là “hậu hiện đại” hoặc “hậu cấu trúc”. Tuy nhiên, phải đến khi tác phẩm *“The Geopolitics of Geopolitical Space: Toward a Critical Theory of International Relations”* của Richard Ashley được công bố thì CNHHĐ mới bắt đầu được nhìn nhận một cách thận trọng trong nghiên cứu QHQT.⁸ Tiếp thu và áp dụng tư tưởng của các triết gia người Pháp đã trình bày ở trên, các học giả hậu hiện đại như R. Ashley, R. Walker hay D. Campbell tập trung nhiều vào nghiên cứu lý thuyết và phê phán, nghi ngờ những luận điểm cùng giả định của các lý thuyết xã hội và chính trị từ đầu thế kỷ trước đã được mặc nhận là đúng và cho đến nay vẫn không hề bị các lý thuyết QHQT đương đại nghi vấn; đồng thời sử dụng các phương pháp luận hậu cấu trúc để khai thác nhiều vấn đề thực tiễn. Nói cách khác, CNHHĐ đã đưa ra cách nhìn khác cùng một số luận điểm phê phán các lý thuyết QHQT.

Thứ nhất, CNHHĐ coi các lý thuyết QHQT là đối tượng để phân tích và các lý thuyết cùng thực tiễn QHQT nói chung đều được kiến tạo thông qua giải trình ngôn ngữ đồng thời phê phán việc các học giả của mỗi trường phái lý thuyết chỉ áp dụng một lý thuyết duy nhất để hiểu và phân tích QHQT. Hiểu giải trình ngôn ngữ như một biểu hiện cụ thể hóa hơn là cấu trúc ngôn ngữ sẽ đưa chúng ta vượt qua quan niệm cho rằng giải trình ngôn ngữ chỉ là cái được những chủ thể QHQT sử dụng. Chúng ta cần xem xét những giải trình ngôn ngữ kiến tạo bối cảnh QHQT (bối cảnh mà từ đó các lý thuyết QHQT bắt đầu có những đánh giá, phản ứng). Những thực tiễn đó bao gồm các hoạt động văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội để tạo ra một chủ thể nào đó, ví dụ như các hoạt động thực tiễn để kiến tạo nên nhà nước hay bất cứ một chủ thể phi quốc gia nào khác. Việc phân tích và xác định lại sự xuất hiện cùng vai trò của các lý thuyết bắt nguồn từ việc coi CNHHĐ như một cách tiếp cận được sử dụng để phê phán hơn là một lý thuyết tự bản thân nó đã mang tính phê phán.

CNHHĐ cho rằng việc các học giả của mỗi trường phái lý thuyết chỉ áp dụng một lý thuyết duy nhất để hiểu và phân tích QHQT đã gặp nhiều vấn đề trong khoảng hơn 20 năm trở lại đây, nhất là sau khi bức tường Berlin sụp đổ. Bãi lầy xung đột ở Trung Đông chứng minh cho quan điểm này. Chúng ta đã chứng kiến sự mở rộng dân chủ ở khu vực như quan điểm của Francis

⁸ Collin Galster (2010): *Daring to Deconstruct: The Rise of Postmodern in Theory*, Harvard International Review, Winter 2010, pp. 32.

Fukuyama về hệ thống dân chủ toàn cầu, nhưng nhiều người lại cho rằng những sự phát triển thiếu định hướng như vậy đáng bị nghi ngờ. Trong khi đó, xung đột ở Trung Đông giữa Israel với thế giới Ả-rập cùng hành động can thiệp quân sự của các nước phương Tây vào Iraq hay Afghanistan rõ ràng đúng như những gì Samuel Huntington dự báo; Nhưng “những ranh giới đứt gãy” trong lý luận của Huntington lại không giải thích được những xung đột bên trong thế giới Hồi giáo cũng như tham vọng bá quyền khu vực của một số nước Hồi giáo – vấn đề khiến người ta liên tưởng đến thuyết cân bằng quyền lực. Bên cạnh đó, các tổ chức quốc tế và khu vực phát triển dựa trên nền tảng lý luận của CNTD nhưng chưa thành công như mong đợi.⁹ Danh sách những lý thuyết khả dụng rất dài nhưng không có một lý thuyết mang tính tổng hợp. Tại sao? Vì thế giới này quá phức tạp. Mỗi lý thuyết có thể giải thích đúng đắn nhiều hiện tượng nhưng chỉ có khuôn khổ. Tự do tư duy kiểu hậu hiện đại mới có thể đánh giá thế giới đầy đủ khi chủ trương áp dụng càng nhiều lý thuyết có thể càng tốt. Nếu nhìn vào một sự kiện hay hành động cụ thể đặc biệt nào đó, lý thuyết của Fukuyama, Huntington hay CNHT, CNTD đều đúng. Nhưng không lý thuyết nào cho chúng ta cái nhìn thỏa mãn và đầy đủ về thế giới này. CNHHD đặt ra câu hỏi đối với cả những học giả trong QHQT và

nhà ngoại giao là họ làm thế nào để coi trọng một vài lý thuyết QHQT trong khi gạt những lý thuyết khác ra bên ngoài?¹⁰

Tiếp theo, phê phán và đóng góp mạnh nhất của CNHHD được dành cho CNHT trong QHQT. Từ tinh thần phê phán dành cho các đại luận thuyết và coi các lý thuyết là đối tượng để phân tích, các học giả hậu hiện đại đã coi CNHT trong QHQT là đối tượng phê phán đặc biệt. Khi những dự báo mang tính cấu trúc của các nhà hiện thực không thể hiện được nhiều ở thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh thì nhiều học giả đã kết hợp và chỉnh sửa lý thuyết ban đầu của CNHT và biến nó thành CNHT mới cùng nhiều biến thể khác. Tuy nhiên, đối với các học giả hậu hiện đại, những nỗ lực của các nhà hiện thực về cơ bản là không hoàn thiện bởi họ sử dụng chung cơ sở lý luận vốn đầy rẫy vấn đề. Nói cách khác, họ cho rằng thế giới này được chứng minh là không dễ đoán định chút nào. CNHHD cho rằng nếu chúng ta giải cấu trúc những luận điểm cơ bản của CNHT, chúng ta sẽ thấy rằng CNHT có rất nhiều vấn đề.

Các học giả hậu hiện đại nghi ngờ quan điểm nhà nước là “chủ thể đơn nhất” với bản sắc và lợi ích thống nhất bởi một nhà nước được cấu trúc bởi nhiều dạng thức chủ thể dưới nhà nước khác nhau, ví dụ như các tổ

⁹ Collin Galster (2010): *bài đã dẫn*, pp. 34-35.

¹⁰ David Campbell (2007): *Poststructuralism*, trong sách của Tim Dunne, Milja Kurki, Steve Smith (eds) (2007), *International Relations Theories – Discipline and Diversity*, Oxford University Press, pp. 218.

chức, các phong trào, cá nhân, v.v. và trong mỗi tiểu chủ thể đó lại có những tính toán về lợi ích riêng cho mình. CNHHĐ đặt ra nghi vấn với luận điểm cho rằng nhà nước là chủ thể hữu hình. “Benedict Anderson cho rằng các quốc gia không phải là những thực thể “thực” mà chỉ là “những cộng đồng nhận thức [...] Chính sự sáng tạo của hệ thống giao thông hiện đại, sự áp đặt khung giờ chung, những sáng tạo của truyền thông và sự tập trung hoá quyền lực của nhà nước khiến con người bắt đầu tưởng tượng rằng bản thân họ là một phần của một cộng đồng.”¹¹ Đối với các học giả hậu hiện đại, ngoài việc là sản phẩm của nhận thức, các dạng thức nhà nước chưa bao giờ hoàn thiện mà vẫn liên tục được xây dựng với những chính sách đối ngoại và đối nội hay những gì đơn giản được gọi là *quá trình kiến tạo nhà nước* (statecraft)¹² với sự nhấn mạnh vào “kiến tạo”.

CNHHĐ cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề vốn không được coi là mối quan tâm truyền thống của CNHT. David Campbell cùng một số học giả khác như Soguk và Whitehall cho rằng, bằng cách di chuyển qua biên giới và tránh bị bắt, người di cư và người tị nạn có ảnh hưởng đến

những cách lý luận và hoạt động thực tiễn mang tính truyền thống trong QHQT.¹³ CNHT vốn chỉ tập trung vào chủ thể nhà nước, nay những chủ thể khác, cụ thể là những dòng di cư và tị nạn nổi lên, rõ ràng là vượt ra ngoài lý luận của CNHT. Ngoài ra, trong khi CNHT chỉ tập trung vào cuộc chơi quyền lực của các cường quốc thì CNHHĐ còn nghiên cứu vấn đề an ninh của các nước đang phát triển, cho rằng vấn đề an ninh ở các nước đang phát triển gắn chặt với giải trình ngôn ngữ về an ninh. Ví dụ, xung đột ở Darfur có thể được mô tả dưới những góc nhìn lịch sử khác nhau dựa vào vị trí của người hay nhóm sắc tộc cung cấp thông tin về cuộc xung đột đó. CNHHĐ lại dành sự chú ý cho những câu chuyện lịch sử từ tất cả các chủ thể, thậm chí từ những người không thể hay không có đủ khả năng đưa ra bằng chứng để củng cố cho giải trình ngôn ngữ của họ. Lúc này, cách tiếp cận hậu hiện đại được coi là mang tính cởi mở và sẵn sàng lắng nghe cùng đối thoại với tất cả các chủ thể vốn là đại diện cho những quan điểm cơ bản để giải quyết xung đột hoặc cho sự điều phối giữa những nhóm đang phải đối mặt với các thách thức an ninh.

Ngoài ra, R. Walker đã tìm hiểu cách thức mà các học giả hiện thực đặt ra nghi vấn rồi trả lời được tạo ra thông qua việc đọc

¹¹ Jill Steans & Lloyd Pettiford (2005), *bài đã dẫn*, pp. 144-145.

¹² Thông thường, “statecraft” chỉ những chính sách và hoạt động do nhà nước tiến hành nhằm theo đuổi các mục tiêu trên trường quốc tế. Quan điểm nhấn mạnh định nghĩa này là nhà nước là thực thể đã được cấu trúc hoàn chỉnh hay được xác định trước khi tham gia vào trường quốc tế.

¹³ Nevzad Soguk and Geoffrey Whitehall (1999), *Wandering Grounds: Transversality, Identity, Territoriality, and Movement*, Millennium, Vol. 28, No. 3, pp. 675.

những tác phẩm của Machiavelli; và Walker kết luận rằng CNHT đã tán thành với cách kiến giải hẹp và phi lịch sử, đã đặt quyền lực lên trên đạo đức, và bàn về sự cần thiết của bạo lực. Tương tự, khi coi vô chính phủ là luận điểm trung tâm của CNHT, Ashley đã chứng minh rằng việc coi trạng thái vô chính phủ là “tự nhiên” không phải là một vấn đề của quan sát thực tiễn mà là một phần của chiến lược định hướng cho cách hiểu của chúng ta về những sự kiện mơ hồ và đa dạng trong chính trị quốc tế thông qua những cặp đối lập như chủ quyền và vô chính phủ, bên trong và bên ngoài, chủ quan và khách quan, thực tế và mơ hồ, nam và nữ, v.v. Điều đó có nghĩa là việc vấn đề hóa thực tiễn mang lại hai giải pháp khả thi trong đó chỉ được chọn một, ví dụ như chủ quyền hay vô chính phủ. Chọn vô chính phủ dẫn đến việc chính trị thế giới được chia thành những vùng chủ quyền và các khu vực vô chính phủ trong đó chủ quyền vượt trội so với vô chính phủ.¹⁴

Nhìn chung, CNHT bị phê phán là quá hẹp và tối giản QHQT quá mức. CNHHĐ cho rằng CNHT là lý thuyết thiên vị, tạo ra những luận điểm hẹp và một chiều vì mục đích thúc đẩy lợi ích của các chủ thể có quyền lực. CNHHĐ không hẳn là phá hủy mà đơn giản là chỉ ra những vấn đề của CNHT. Các học giả hậu hiện đại muốn có sự đa dạng về tri thức, góc nhìn và nhận thức

khác nhau để từ đó cấu trúc nên QHQT mà không tối giản hóa QHQT.¹⁵

Kết luận

Tóm lại, dù ra đời tương đối muộn, chưa để lại quá nhiều dấu ấn, nhưng CNHHĐ đã mang lại nhận thức luận mang tính phê phán và phương pháp luận hậu cấu trúc về bản chất của thế giới nói chung và QHQT nói riêng. Dựa trên nền tảng tư tưởng hậu hiện đại của M. Foucault, J. Derrida và J.F. Lyotard, các học giả hậu hiện đại trong QHQT cho rằng lịch sử phát triển không theo logic mà chúng ta đã và đang tư duy; phê phán các đại luận thuyết của thời kỳ hiện đại, đặc biệt là phê phán CNHT đã rút gọn quá đáng QHQT; đồng thời mới bước đầu tìm cách hướng đến phương thức lý giải bao quát cho nghiên cứu QHQT.

Việc CNHHĐ nghiên cứu các vấn đề phi truyền thống trong QHQT đã củng cố thêm cho quan điểm nghiên cứu những cái bị gạt ra ngoài lề hay bị bỏ qua trong hoạt động nghiên cứu truyền thống, góp phần làm đa dạng hóa và bổ sung cho những cách tiếp cận cũ. Để hiểu cách phân tích mang tính chất hậu hiện đại về QHQT, người đọc phải sẵn sàng có một cách nghĩ khác về bản chất của thế giới và QHQT, một việc tương đối “khó chịu” và đi ngược với quan niệm thông thường về cuộc sống, xã hội. Đối với những

¹⁴ David Campbell (2007): *bài đã dẫn*, pp. 218-219.

¹⁵ Robert J. Walker (1993), *Inside/Outside: International Relations as Political Theory*, Cambridge University Press, NY.

ai đã hài lòng với quan điểm hay giả định của mình, tìm hiểu CNHHĐ sẽ lại đòi hỏi tư duy theo một lối hoàn toàn khác.¹⁶

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Jean-François Lyotard (2007): *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (bản dịch của Ngân Xuyên), Nxb Tri thức, Hà Nội.

2. Trần Quang Thái (2009): *J.F. Lyotard với thực tại luận và tri thức luận*, Tạp chí Triết học, số 2 (213), Hà Nội.

Tiếng Anh

3. Amitav Acharya & Barry Buzan (eds) (2010): *Non-Western International Relations Theory, Perspectives on and beyond Asia*, Routledge, Abingdon, UK.

4. Richard Ashley (1987): *The Geopolitics of Geopolitical Space: Toward a Critical Social Theory of International Politics*, Alternatives, Vol.12, No. 4.

5. Richard Ashley (1988): *Untying the Sovereign State: A Double Reading of the Anarchy Problematique*, Millennium, Vol. 17, No. 2.

6. Scott Burchill (ed) (2005): *Theories of International Relations*, Palgrave MacMillan, N.Y.

7. David Campbell (1998): *National Deconstruction: Violence, Identity, and Justice in Bosnia*, Minneapolis.

8. Mark Duffield (2008): *Development, security and unending war: governing the world of peoples*, Polity, Cambridge.

9. Tim Dunne, Milja Kurki, Steve Smith (eds) (2007): *International Relations Theories – Discipline and Diversity*, Oxford University Press, Oxford.

10. Collin Galster (2010): *Daring to Deconstruct: The Rise of Postmodern in Theory*, Havard International Review, Winter 2010.

11. Martin Griffiths (ed) (2007): *International Relations for the Twenty-first Century: An Introduction*, Routledge, N.Y.

12. Martin Griffiths, Steven C. Roach & M.Scott Solomon (2009): *Fifty Key Thinkers in International Relations* (2nd edition), Routledge, N.Y.

13. Joshua S. Goldstein (2005): *International Relations* (6th edition), Longman, N.Y.

14. Iain McLean & Alistair McMillan (2003): *The Concise Oxford Dictionary of Politics*, Oxford University Press, Oxford.

15. Jill Steans & Lloyd Pettiford (2005): *Introduction to International Relations: Perspectives and Themes* (2nd edition), Pearson, UK.

16. Terry Teriff, Stuart Croft, Lucy James & Patrick Morgan (2001): *Security Studies Today*, Polity, Cambridge.

17. Robert J. Walker (1993): *Inside/Outside: International Relations as Political Theory*, Cambridge University Press, N.Y.

¹⁶ Jenny Edkins (2007): *Poststructuralism*, trong cuốn sách Martin Griffiths (ed) (2007), *International Relations for the Twenty-first Century: An Introduction*, Routledge, N.Y., pp. 88-89.